

SỞ NN VÀ PTNT TỈNH BÌNH ĐỊNH
CHI CỤC KIỂM LÂM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /CCKL-TCHC

Bình Định, ngày tháng 9 năm 2023

V/v cung cấp thông tin cần khai thác
cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư khi
giải quyết thủ tục hành chính

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bình Định

Thực hiện Văn bản số 2924/SNN-TCCB ngày 07/9/2023 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, về việc cung cấp thông tin cần khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư khi giải quyết thủ tục hành chính (TTHC), Chi cục Kiểm lâm đã tiến hành rà soát các TTHC trong lĩnh vực lâm nghiệp thuộc phạm vi tham mưu của Chi cục Kiểm lâm, kết quả cụ thể như sau:

Hiện có 18 TTHC trong lĩnh vực lâm nghiệp thuộc trách nhiệm rà soát của Chi cục Kiểm lâm, gồm:

- 13 TTHC cấp tỉnh được tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công.

- 05 TTHC cấp huyện được tiếp nhận và trả kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện.

Tất cả 18 TTHC nêu trên không có TTHC nào yêu cầu khai thác 20 trường thông tin từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư khi giải quyết TTHC.

Chi tiết 18 TTHC tại Phụ lục kèm theo.

Chi cục Kiểm lâm kính báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn biết, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- PCCT phụ trách và PCCT;
- Các phòng chuyên môn;
- Lưu: VT, TCHC.

KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG

Lê Đức Sáu

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC RÀ SOÁT
(Ban hành kèm theo Văn bản số: CCKL-TCHC ngày tháng 9 năm 2023 của Chi cục Kiểm lâm)

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã số TTHC	Ghi chú
I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH			
1	Phê duyệt dự toán thiết kế Phương án trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án không tự trồng rừng thay thế	1.007916.000.00.00.H08	
2	Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác	3.000152.000.00.00.H08	
3	Phê duyệt dự toán thiết kế Phương án trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án tự trồng rừng thay thế	1.007917.000.00.00.H08	
4	Phê duyệt, điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định đầu tư)	1.007918.000.00.00.H08	
5	Miễn, giảm tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng (đối với bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng trong phạm vi địa giới hành chính của một tỉnh)	1.000058.000.00.00.H08	
6	Phê duyệt Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng đối với khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	1.000084.000.00.00.H08	
7	Phê duyệt Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ đối với khu rừng phòng hộ thuộc địa phương quản lý	1.000081.000.00.00.H08	
8	Chuyển loại rừng đối với khu rừng do UBND tỉnh quyết định thành lập	1.000065.000.00.00.H08	
9	Phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức	1.000055.000.00.00.H08	

STT	Tên thủ tục hành chính	Mã số TTHC	Ghi chú
10	Công nhận, công nhận lại nguồn giống cây lâm nghiệp	3.000198.000.00.00.H08	
11	Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm II và động vật thực vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục II và III Cites	1.004815.000.00.00.H08	
12	Phân loại doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ	3.000160.000.00.00.H08	
13	Phê duyệt Phương án khai thác thực vật rừng thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1.011470.000.00.00.H08	
II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN			
1	Xác nhận bảng kê lâm sản	1.000045.000.00.00.H08	
2	Phê duyệt, điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định đầu tư)	1.007919.000.00.00.H08	
3	Xác nhận nguồn gốc gỗ trước khi xuất khẩu	3.000175.000.00.00.H08	
4	Phê duyệt Phương án khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên	1.000047.000.00.00.H08	
5	Phê duyệt Phương án khai thác thực vật rừng thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện	1.011471.000.00.00.H08	